**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 50**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 229, đếm ngược hàng thứ tư. “**Sách Hoa Nghiêm Huyền Đàm giải thích các pháp là sự sự vô ngại**”, vấn đề này là một vấn đề rất lớn. “Các pháp” tức là hết thảy pháp, vì sao tất cả pháp lại có thể “sự sự vô ngại”? Cảnh giới sự sự vô ngại, xuất hiện tại cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Nhất chân Pháp giới. Thế giới của chúng ta có hay không? Xin nói cho quý vị biết: “Có”. Thế giới này cùng với Nhất chân Pháp giới và cõi Thật Báo chẳng gì khác biệt. Vì sao chúng ta chẳng thể nhìn thấy? Trên thực tế ở ngay trước mặt, chính ngay lúc này.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng: “**Biến Pháp giới Hư không giới**, **hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật**”, lại bảo: “**Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ**, **đức tướng Như Lai**”. Điều này nói rõ: Phật Pháp là Pháp bình đẳng. Từ trên Phật Quả, thì đầy đủ hết thảy “Trí huệ, thần thông và tướng hảo”, mọi pháp đều gồm trọn ở trong này; đức Phật có, mỗi người chúng ta cũng có. Do đó Phật mới bảo: “**Chúng** **sanh vốn dĩ là Phật**”. Vậy vì sao Phật lại có trí huệ, thần thông và đạo lực lớn như vậy? Còn chúng ta thì không? Phật bảo rằng: “**Không phải chúng ta không có**, **những thứ vốn dĩ đầy đủ trong tự tánh vĩnh viễn sẽ không mất đi**”, nhưng tại sao không thể hiện tiền? Vì có chướng ngại. Chỉ cần chế phục được chướng ngại, không phải không còn.

Ví như: Một cái đèn, đèn rất sáng, bạn lấy giấy bao nó lại. Bọc nó bằng 100 tờ hay 1.000 tờ; như thế một chút ánh sáng cũng không thể lọt ra được; không phải nó không sáng mà do ánh sáng ở bên trong. Khi chướng ngại được loại bỏ, ánh sáng sẽ liền hiện tiền, có thể soi chiếu vạn pháp. Chướng ngại này là gì? Phật nói có ba loại lớn, có rất nhiều chướng ngại, vô lượng vô biên. Nhưng quy nạp lại thành ba loại lớn:

- Loại lớn thứ nhất gọi là “**Vô minh phiền não**”, gọi chung là phiền não, vô minh. Tức là bạn không thể phóng quang, đã mất đi khả năng soi chiếu. Lúc phóng quang, đối với hết thảy Pháp thế xuất thế gian không gì không biết, không gì không hiểu; thảy đều thông đạt, thấu suốt. Chính do Vô thủy vô minh, thứ này khiến cho quang minh của chúng ta không thể hiện tiền; chẳng phải bị diệt mất mà do không hiện, vì có chướng ngại.

- Chướng ngại lớn thứ hai gọi là “**Trần sa phiền não**”, trần sa được ví cho số nhiều, phiền não này là gì? Là phân biệt. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần ở bên ngoài, đầu tiên là mê, vô minh tức là mê. Sau khi mê thì khởi lên ý niệm, ý niệm này chính là phân biệt.

- Loại thứ ba rất nghiêm trọng, là loại nghiêm trọng nhất, tức “**Chấp trước**”. Vì thế Phật trong kinh Hoa Nghiêm, có nói: “**Vô minh, trần sa và chấp trước**”. Ba loại phiền não lớn này, chúng ta phải hoàn toàn buông xả chúng. Trong tự tánh không hề có phiền não, phiền não là do sanh ra từ vọng tâm; vọng tâm chính là vô minh.

Làm thế nào lại có vô minh? Trong Đại Thừa giáo Phật thường nói: “**Do một niệm bất giác**”, chúng ta rất khó thể hội một niệm bất giác. Học Phật, thậm chí đã học rất nhiều năm; nhưng đối với sự việc này, chỉ có được một khái niệm rất mơ hồ, nên nó không thể khởi tác dụng, không thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Một niệm, cái gì gọi là “một niệm”? Phật Thích Ca hỏi Bồ Tát Di Lặc, bảo rằng: “***Tâm sở hữu niệm***”. Phàm phu chúng ta, tức chúng sanh trong Lục đạo khởi lên ý niệm, đây gọi là “**Tâm sở hữu niệm**”. Phật hỏi: “***Trong một niệm này có bao nhiêu niệm?***”.

Hay nói cách khác, bạn không khái niệm được một ý niệm đơn lẻ, có bao nhiêu niệm tập hợp lại, đan xen vào nhau? Trong tâm bạn, khái niệm rằng đây gọi là một niệm. Sau đó, Phật còn nói: ***Có bao nhiêu niệm?*** Là việc thứ nhất; ***Bao nhiêu tướng?*** Là việc thứ hai; ***Bao nhiêu thức?*** Nguyên văn của nó là “**Tâm sở hữu niệm**, **kỷ niệm kỷ thức kỷ da?**”. Câu này đã hỏi đến ba sự việc: Đầu tiên hỏi: Có bao nhiêu ý niệm? Thứ hai hỏi: Có bao nhiêu tướng? Tướng là hiện tượng vật chất; phía sau lại hỏi: Bao nhiêu thức? Thức là gì? Thức là “Thọ, Tưởng, Hành, Thức”, là hiện tượng tinh thần. Những điều này liên quan tới ý niệm. Ngài đã hỏi một vấn đề như thế, Bồ Tát Di Lặc đã trả lời Phật Thích Ca Mâu Ni. Kỳ thật, Phật, Bồ Tát vấn đáp toàn là dạy cho chúng ta. Chúng ta không biết cách hỏi, nên Phật đã hỏi thay vấn đề này.

Bồ Tát Di Lặc đến giải đáp, Bồ Tát Di Lặc nói rằng: “***Một cái búng tay có 32 ức trăm ngàn niệm***”, một cái búng tay 32 ức; 100 lần của một ngàn là mười vạn; 320 triệu nhân với mười vạn là 320 ngàn tỷ. Một cái búng tay có 320 ngàn tỷ ý niệm vi tế đan xen nhau. Khiến chúng ta cảm thấy có một cái một niệm, tức cảm giác có một ý niệm; kỳ thật cảm giác này vẫn chưa rõ ràng. Do nó quá vi tế! Khoa học hiện đại dùng giây làm đơn vị. Thời gian dùng giây làm đơn vị, một giây có thể búng được bao nhiêu lần? Đại khái tôi có thể búng được năm lần, bốn hoặc năm lần. Có người từng nói với tôi: “Búng được bảy lần”. Tôi tin tưởng, thanh niên thể lực khỏe, búng được nhanh, một giây búng bảy lần, vậy là 320 ngàn tỷ nhân với bảy là 2.100 ngàn tỷ. Nói cách khác, một niệm là 1/2.100 ngàn tỷ của giây. Trong một giây có 2.100 ngàn tỷ lần ý niệm sanh diệt.

Niệm trước diệt, niệm sau sanh, chính đang ở trước mặt. Chúng ta làm thế nào biết được chứ? Căn bản là chẳng biết gì. Đây là gì? Là chân tướng của vũ trụ. Trong điều này, bạn xem: Đầu tiên Ngài nói về ý niệm, sau đó nói đến tướng, tức hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất do đâu mà có? Do ý niệm mà có. Ý niệm từ đâu mà có? Từ một niệm bất giác, chính từ một niệm này mà có một niệm, nó không hề có nguyên nhân, chỉ là đột nhiên phát sinh. Sau khi phát sinh, nó sẽ không thể ngừng lại. Niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm niệm tiếp nối.

Tiếp nối nhau, Phật giáo nói là “Hành”. Hiện tượng tâm lý có “Thọ”, thọ là cảm thọ; khổ vui, mừng lo là cảm thọ. Có “Tưởng”, tưởng nghĩa là bạn có thể nghĩ về quá khứ, có thể nghĩ đến tương lai. “Hành” chính là niệm trước diệt, niệm sau sanh không ngừng. Niệm trước với niệm sau chẳng phải cùng một ý niệm, nên nó chẳng phải tướng tương tục. Tương tục, nghĩa là niệm trước phải hoàn toàn giống với niệm sau; niệm trước không giống với niệm sau, tức là nó không tương tục.

Chúng ta xem ở khoảng cách gần dường như là tương tục. Nếu nhìn trên diện rộng, liền biết niệm trước và niệm sau khác nhau, chứ đừng nói là khoảng cách quá lớn. Nếu hiện tượng này được xét trên khắp toàn thể Địa cầu, bạn sẽ biết ngay. Cho dù ở tần suất cao như vậy, tức 1/2.100 ngàn tỉ của giây, niệm trước vẫn không giống niệm sau. Nên trên kinh Đại Thừa Phật thường nói, gọi là tướng “Tương tự tương tục”, tức là tuyệt không phải hoàn toàn giống nhau. Vấn đề này đã được các nhà lượng lực học phát hiện. Nhà lượng tử lực học nói một cách vô cùng cảm khái. Nền khoa học trên Địa cầu đã được phát hiện. Hơn 400 năm, một đời tiếp nối một đời không ngừng nghiên cứu. Mãi cho đến 20 năm gần đây, mới phát hiện được vật chất là gì và đã làm sáng tỏ.

Bí mật của vũ trụ, vật chất rốt cuộc là gì? Vật chất do đâu mà có? Vì sao lại có vật chất? Không ngờ rằng Phật Thích Ca Mâu Ni 3.000 năm trước, đã đem hiện tượng này giảng rõ ràng, giảng tường tận rồi. Hoàn toàn giống với phát hiện của họ, báo cáo mà tôi xem được là của nhà lượng tử học nước Đức, báo cáo của ông Planck. Một đời của ông chuyên nghiên cứu về vật chất, vật chất đã được ông phát hiện. 80 năm trước, nhà khoa học phát hiện ra nguyên tử, cho rằng nguyên tử là đơn vị vật chất nhỏ nhất. Trong 80 năm này, khoa học kỹ thuật có thể nói đột phá một cách mạnh mẽ, nhất là công cụ quan sát càng ngày càng tinh vi. Người ta dùng những công cụ tối tân này bắn phá nguyên tử, nguyên tử không phải đơn vị vật chất nhỏ nhất. Sau khi bắn phá phát hiện: nó do hạt nhân nguyên tử, trung tử, điện tử tổ hợp thành, chúng không phải thứ nhỏ nhất. Nền khoa học hiện nay có khả năng bắn phá hạt nhân nguyên tử, bắn phá điện tử và trung tử. Những thứ này cũng không phải dạng vật chất nhỏ nhất. Họ phát hiện thấy hạt gọi là hạt cơ bản, có hơn mấy chục loại. Những thứ này vẫn có khả năng bắn phá được. Phát hiện thấy hạt quark còn nhỏ hơn, hạt quark tổ hợp thành các hạt cơ bản, quark cũng có hơn mấy chục loại, rất phức tạp. Lại bắn phá mỗi loại của chúng, phát hiện thấy hiện tượng vật chất còn nhỏ hơn, gọi là vi trung tử. Lại bắn phá vi trung tử, vật chất liền biến mất. Điều này hoàn toàn giống với những điều được nói trong kinh Phật.

Kinh Phật nói: “**Hiện tượng vật chất nhỏ nhất gọi là cực vi sắc**”, tức là vi trung tử được nhà khoa học phát hiện. Phật gọi nó là cực vi sắc hay còn gọi là cực vi chi vi, thứ này không thể phân chia. Nếu tiếp tục phân chúng sẽ biến mất, không còn hiện tượng vật chất. Họ bắn phá vi trung tử, thấy rằng không còn hiện tượng vật chất. Nhìn thấy điều gì? Thấy rằng đó là hiện tượng dao động của ý niệm. Thế là sự thật về vật chất đã được sáng tỏ, họ đưa ra kết luận kết luận gì? Trên thế giới này, căn bản không hề có vật chất. Vật chất là giả, vật chất là từ ý niệm sinh ra. Trên kinh Phật có nói: “**Tướng do tâm sanh**, **Sắc do tâm sanh**”, sắc với tướng đều là vật chất. Vật chất từ đâu mà có? Vật chất từ ý niệm sanh ra. Thế là vấn đề này đã được giải quyết, vậy ý niệm có từ đâu? Vì sao lại có ý niệm? Hiện nay, nhà khoa học chỉ để ý đến ý niệm, sự sanh diệt của chúng quá nhanh.

Vừa nãy, chúng ta có nói: “*Tần suất này là 1/2.100 ngàn tỷ của giây*”. Công cụ khoa học hiện nay, đại khái có thể nắm bắt được 1/2.100 ngàn tỷ của giây. Vào thời đó, đức Phật không hề có những dụng cụ khoa học này. Ngài làm thế nào biết được? Ngày nay, khoa học đối với bộ phận thuộc về tinh thần tức là ý niệm, vẫn chưa rõ ràng; chỉ biết rằng tần suất sanh diệt của nó vô cùng cao. Trên kinh Phật nói là 1/2.100 ngàn tỷ của giây, vì sao có thể sản sinh ra ý niệm? Cái này họ vẫn chưa biết, nhưng đức Phật đều đã nói rõ. Ngài nói: “**Ý niệm do Nghiệp tướng sanh ra**”, đây là Tam tế tướng của A lại da được nói trong nhà Phật. Một niệm bất giác sinh ra vô minh, vô minh được gọi là Nghiệp tướng. “Nghiệp” tức là hiện tượng dao động, toàn thể vũ trụ đều ở trong hiện tượng dao động này mà phát sinh. Hiện tượng dao động sinh ra ý niệm, ý niệm sinh ra vật chất, vật chất lại sinh ra hết thảy pháp trong vũ trụ. Mọi pháp đều được quy nạp lại thành ba loại này, theo thuật ngữ nhà Phật gọi là “Tướng phần”, “Kiến phần” và “Tự chứng phần” của A lại da.

 Nó còn có một danh từ nữa: “Tự chứng phần” gọi là Nghiệp tướng, “Chuyển tướng” và “Cảnh giới tướng” của A lại da. “Cảnh giới tướng” là vật chất, “Chuyển tướng” là ý niệm, đây là Tam tế tướng của A lại da. Trong kinh Đại Thừa, Phật đã nói rất rõ; dùng ý thức thứ sáu, tức là suy nghĩ. Tưởng tượng của chúng ta, năng lượng của ý thức thứ sáu vô cùng lớn. Đối với bên ngoài, nó có thể duyên đến biên giới của vũ trụ. Với bên trong, nó có thể duyên đến Tam tế tướng của A lại da, thứ mà nhà khoa học sử dụng là ý thức thứ sáu. Tam tế tướng của A lại da, cảnh giới tướng đã được họ làm rõ và sáng tỏ.

Bây giờ, bước thứ hai sẽ là ý niệm. Chúng tôi tin rằng, sau hai, ba mươi năm nữa, họ sẽ làm rõ được hiện tượng của ý niệm, rồi tới ý niệm từ đâu mà có? Đây là năng lượng trong vũ trụ. Năng lượng chính là tánh đức tự tánh được nói trên kinh Phật, tự tánh vốn dĩ đầy đủ đức hạnh. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ. Ngài nói: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự đầy đủ**”, đây chính là “**Hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật**” mà đức Phật đã nói. Ý thức thứ sáu “Năng duyên”, duyên đến Tam tế tướng của A lại da; nhưng bên trong, duyên không được tự tánh; trong Phật Pháp nói là “Minh tâm kiến tánh”. Nó không thể làm được việc đó, nhưng Minh tâm kiến tánh mới có thể giải quyết vấn đề, mới có thể chân thật có được thọ dụng. Khoa học phát hiện những thứ này, cũng được một số ích lợi, nhưng lợi ích này chưa phải là viên mãn. Nó có khiếm khuyết, những tác dụng này có tính hạn chế, nó chẳng phải vô ngại. Bạn xem, kinh Hoa Nghiêm nói: “**Sự sự vô ngại**”; khoa học vẫn gặp phải chướng ngại, chưa phải cứu cánh, chưa được viên mãn. Chân thật cứu cánh viên mãn là trí huệ; tự tánh đầy đủ trí huệ, đức tướng hiện tiền.

Giáo dục của nhà Phật, chúng ta gọi là giáo dục Phật Đà. Mục đích của nền giáo dục này, sau cùng nhất là dạy bạn thành Phật. Thành Phật mới tính là tốt nghiệp, lấy được học vị cao nhất. Cho nên trong Phật Pháp: Phật Đà, Bồ Tát, La Hán, đây là gì? Là danh xưng ba học vị. Trong nền giáo dục Phật Đà: học vị cao nhất gọi là Phật Đà, học vị thứ hai gọi là Bồ Tát, học vị thứ ba gọi là A La Hán, cũng giống như cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ của các trường đại học hiện nay. Vì thế, nó không phải tôn giáo. Trong tôn giáo chỉ thừa nhận có một vị thần sáng tạo vũ trụ, con người không thể ngang hàng với thần.

Phật Pháp không như vậy, học vị Phật Đà mỗi người đều có thể lấy được. Chỉ cần bạn buông bỏ những thứ chướng ngại tự tánh, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông xả ba thứ này, bạn liền thành Phật. Những thứ chướng ngại tự tánh của bạn đã không còn. Trí huệ, đức năng, tướng hảo thảy đều khôi phục lại, vì bạn vốn dĩ là như vậy. Khác với nền giáo dục của thế gian. Trở về tự tánh, khôi phục tánh đức, tánh đức có vô lượng trí huệ, đức năng; cùng với việc biết chữ hay không biết chữ chẳng liên quan gì, cũng chẳng liên quan tới việc đi học hay không đi học. Ở đây kêu bạn buông xả, đọc sách nhiều, biết chữ nhiều cũng là một loại chướng ngại. Chướng ngại này không phải phiền não mà là “Sở tri chướng”.

Nếu bạn chấp trước vào những tri thức này, cũng thành chướng ngại, không thể kiến tánh; nên Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta biểu diễn. Chúng ta xem truyện ký của Ngài, Ngài 19 tuổi xuất gia. Ngài là hoàng tử, từ bỏ quyền kế thừa vương vị, từ bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý trong cung đình, Ngài đi làm một vị tăng khổ hạnh. Phần tử tri thức ưa thích học tập, buông xả thứ này chính là buông xả phiền não chướng. Ngài thật sự đi học, học hết 12 năm. Ấn Độ vào thời đó, làm một quốc gia tôn giáo trên toàn Thế giới. Tôn giáo hay học thuật đều thuộc hàng bậc nhất trên thế giới, Ngài đều học qua, học 12 năm.

Biết rằng tất cả những tri thức đã học được không thể giải quyết vấn đề, nên Ngài buông xả. Đây gọi là buông xả “Sở tri chướng”. Rồi Ngài làm cái gì? Đến dưới cội Bồ Đề ngồi nhập định, buông xả tất cả. Ngài vừa nhập định thì khai ngộ, “Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”, chính như bản thân Ngài đã nói: “**Trong tự tánh có vô lượng trí huệ**, **đức năng**, **tướng hảo thảy đều được lưu xuất ra**”. Sau khi xuất định Ngài liền bắt đầu dạy học, dạy cả một đời. Mỗi ngày giảng kinh dạy học, chưa hề có một ngày ngơi nghỉ, đã giảng 49 năm. Ngài 79 tuổi thì mất, theo như cách tính tuổi của người Trung Quốc là 80 tuổi. Tất cả kinh điển mà Ngài đã giảng, do ai dạy cho Ngài? Chẳng ai cả. Ấn Độ vào thời đó chưa có Phật giáo, tôn giáo có rất nhiều nhưng nổi danh nhất là Đạo Bà La Môn. Nhưng người Ấn Độ thời đó, chẳng luận là tôn giáo hay triết học, họ đều thích tu định. Họ có mức độ định công tương đối sâu; Phật Thích Ca Mâu Ni đều đã học được. “Tứ Thiền, Bát Định” của Bà La Môn, trong Thiền Định có thể nhìn thấy Tam Thiên Đại thiên Thế Giới mà không hề chướng ngại. Khi ở trong định, mọi tầng không gian duy thứ được nói đến hiện nay đều không còn. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước mà có.

Trong định không có phân biệt, không có chấp trước, cho nên đã đột phá những chướng ngại này. Mỗi loại không gian duy thứ khác nhau họ đều thấy được, đây chính là 28 tầng trời mà giáo phái Bà La Môn nhắc đến. Bên dưới còn có đường Ngạ quỷ, còn có La sát, Tu la và Địa ngục; họ thảy đều nhìn thấy. Hiện tượng này từ đâu mà có? Đều là những thứ do chính mình biến hiện, trên thực tế hoàn toàn không có. Tự tánh là một mảng không tịch tĩnh, cực kỳ tuyệt diệu. Loại hiện tượng này đều do con người tạo nghiệp, dẫn đến nghiệp lực biến hiện ra. Tạo thiện nghiệp sẽ là ba đường thiện, tạo nghiệp ác sẽ biến thành ba đường ác. Điều này mới có thể nói được rõ ràng và tường tận. Sau đó, chúng ta có thể trong cảnh duyên này “Tùy duyên tự tại”, không chịu sự quấy nhiễu của hoàn cảnh bên ngoài.

Đức Phật đã dạy học 49 năm, trong số các học trò, mỗi người có một trình độ không đồng. Người ưu tú nhất, gần như đạt đến cảnh giới của đức Phật là bậc trung, đó chính là chứng quả A La Hán. Họ có năng lực siêu việt Lục đạo luân hồi, đây được xem là không tệ. Còn có một số người vẫn lưu luyến với Lục đạo, không nỡ buông xả thì vẫn luân hồi trong sáu nẻo y như cũ. Nếu trong vòng luân hồi, họ có thiện căn, có thiện hạnh sẽ chỉ ở Thiện đạo mà không đọa vào Ác đạo. Giáo học của Phật Thích Ca Mâu Ni đối với tất cả chúng sanh đều có lợi ích. Bạn yêu thích cái gì, Ngài cũng có thể giúp bạn, thỏa được nguyện vọng của bạn. Ngài có năng lực này, đích thực là giống như lý vô ngại, sự vô ngại; lý sự vô ngại, sự sự vô ngại được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm.

 Vì sao vậy? Vì “**Duy tâm sở hiện**”. Vật chất là do tâm hiện, Đại Thừa nói là “**Duy tâm sở hiện**, **duy thức sở biến**”, nên có Thập Pháp giới. Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, chư Thiên, tu la, cơi Người, Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sanh, tức Thập Pháp giới. Thập Pháp giới từ đâu mà có? Từ “Duy thức sở biến, Duy tâm sở hiện” ở lần đầu tiên, sẽ hiện ra “Nhất chân Pháp giới”. “Duy thức sở biến”, biến ra Thập Pháp giới và Lục đạo; “Thức” chính là phân biệt, chấp trước. Hay nói cách khác, chúng ta đối với hết thảy pháp không phân biệt, không chấp trước, liền siêu việt Lục đạo, siêu việt Thập Pháp giới. Nên nền giáo học của Phật giáo, quan trọng nhất là dạy chúng ta nhìn thấu, buông xả. “Nhìn thấu” tức là liễu giải được chân tướng sự thật, sau đó “Buông xả” những thứ là giả, nắm chắc những thứ là thật. Buông xả những thứ là giả, những thứ là thật liền hiện tiền. Chân tướng được sáng tỏ, vì thế sau khi chúng ta học Phật phải hiểu cho rõ sự việc này.

Phật giáo dạy cái gì? Chúng ta có thể đem những gì mà cả đời Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm? Phân thành năm loại lớn: đầu tiên là “Luân lý”; thứ hai là “Nhân-quả”; thứ ba là Đạo đức”... Đây là nền giáo dục phổ thế của đức Phật, tức là giáo hóa thế nhân, khiến cho người thế gian đều có thể đạt được một đời hạnh phúc viên mãn, giúp chúng sanh lìa khổ được vui, đây là mục đích dạy học của Ngài. Cao hơn nữa, chính là triết học và khoa học được nói đến hiện nay. Tôi học Phật cũng là từ triết học mà nhập môn, bởi vì lúc còn trẻ chịu sự ảnh hưởng giáo dục của nhà trường; cho rằng tôn giáo là mê tín, nên chưa hề tiếp nhận qua tôn giáo, không tin vào tôn giáo.

Thuở đầu ở Đài Loan, tôi học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thời đó thầy là một nhà triết học. Thầy giảng cho tôi một bộ Triết học Khái luận gồm năm bài, bài cuối cùng nhất là Triết học Kinh Phật. Tôi vô cùng kinh ngạc, liền thỉnh giáo với thầy:

- “*Phật giáo là tôn giáo, tôn giáo là mê tín, nhất là Phật giáo; Phật giáo là đa thần giáo, là phiếm thần giáo. Tôn giáo cao cấp chỉ có một vị thần thật sự, chứ không phức tạp như vậy. Đa thần giáo, phiếm thần giáo gọi là tôn giáo cấp thấp, nó làm sao mà có triết học được*”*.*

Thầy nói với tôi:

- “*Anh còn trẻ nên không hiểu*”, thầy nói: “*Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới*”.

Trước giờ chúng tôi vẫn chưa nghe nói đến điều này: “Triết học Kinh Phật là nền triết học cao cấp nhất của toàn Thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”. Nhờ đó, tôi theo thầy nhập vào Phật môn. Thầy nói với tôi:

**-** “*200 năm trước*, *những người xuất gia trong Tự viện và am đường của Trung Quốc đều là chuyên gia*, *học giả*; *đều có sự hàm dưỡng đạo đức rất cao*, *chân thật là người có trí huệ*”, thầy nói, “*Hiện nay không còn nữa rồi*”.

Hiện nay nếu muốn học Triết học Kinh Phật, phải đến nơi đâu? Phải học từ kinh điển, đây là con đường thầy đã chỉ cho tôi. Vì nếu bạn đến chùa, họ đã không còn học, không còn nghiên cứu kinh giáo nữa. Nên thầy dạy cho tôi phải từ kinh điển, Đại, Tiểu Thừa, Tông Môn Giáo Hạ, đều bắt tay từ chỗ này. Phải tìm những thứ thích hợp với trình độ bản thân, thích hợp với hứng thú của mình. Như vậy sẽ rất dễ nhập môn, bởi vì Phật giáo là một trường Đại học, có rất nhiều ngành học, cái gì cũng có. Nội dung quá phong phú, tuyệt đối chẳng phải là việc một đời người có thể học hết được, thầy giới thiệu cho tôi “Pháp tướng duy thức”.

Phật giáo ở Trung Quốc, thời xưa có mười tông phái; hiện tại hai tông phái của Tiểu Thừa đã không còn; còn Đại Thừa cũng chỉ là hữu danh vô thực, chẳng còn ai nghiêm túc đi nghiên cứu nữa. Nghiên cứu, lý niệm cùng với phương pháp lúc nghiên cứu đều có vấn đề. Thời đại này chúng ta gặp phải vấn đề, làm thế nào có thể tiếp tục truyền thừa mãi? Đây là vấn đề lớn nhất, nghiêm trọng nhất trước mắt. Đạo Phật làm thế nào truyền xuống tiếp tục? Nó có quan hệ mật thiết với truyền thống văn hóa Trung Quốc. Phật giáo đến Trung Quốc, đã đem truyền thống văn hóa Trung Quốc, nâng lên một mức độ rất lớn.

Lý niệm cùng với phương pháp dạy học của Phật giáo, Nho tiếp nhận, Đạo cũng tiếp nhận. Mọi người tu học lấy cái gì làm mục đích? Lấy khai ngộ. Số học trò có thể khai ngộ đương nhiên rất ít. Do đó lão sư, trước đây là giáo viên gia đình, giáo viên tư thục dạy học có cách dạy riêng, một vị thầy dạy học trò. Thông thường sẽ không vượt quá 30 người, nếu vượt quá 30 người sẽ không thể quán xuyến nổi. Tinh thần không đủ, 30 người học trò có thể bồi dưỡng được mười người. Từ từ lại bị đào thải bớt, trong số đó có thể có một người khai ngộ cũng đã khá lắm rồi. Khai ngộ, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có “Đại triệt đại ngộ, Đại triệt đại ngộ”, ít! Chứ tiểu ngộ và đại ngộ cũng chẳng hiếm gì.

Làm sao để khai ngộ? Ngộ là khả năng vốn có của chính mình, không phải bên ngoài đến. Trong tự tánh vốn có trí huệ, đức tướng; bên ngoài làm gì có chứ? Bên ngoài không có, bên ngoài là tri thức, không phải trí huệ. Trí huệ là từ bên trong hướng ra bên ngoài, là bảo tàng của tự tánh. Thật sự rất lợi hại, không gì không biết, không gì không thể. Phải từ “Giới”, trì “Giới” được “Định” sẽ liền khai trí huệ, nên “**Nhân giới được định, nhân định khai huệ**”. Định là đầu mối then chốt, huệ là mục đích. Trì giới là phương pháp, lý niệm và nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của nó là “*Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu*”, phương pháp chính là “*Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu*”. Chú trọng ở “Tự hiểu”, tự thấy được chính là khai ngộ. Không phải lão sư giảng cho bạn, không phải do người khác dạy bạn. Không phải, mà do tự mình ngộ ra, chính là cầu thứ này.

Sau khi tự mình ngộ ra, lại đọc tiếp, tiếp tục xem Chú giải của người khác, nghe họ diễn giảng. Vì sao vậy? Vì bạn vừa nghe liền hiểu rõ. Họ đã giảng sai chỗ nào hay giảng đúng chỗ nào, hay mức độ ngộ nhập của họ đang ở cấp bậc nào, bạn đều biết rất rõ. Vì thế Bồ Tát Long Thọ, người Ấn Độ, sau khi Phật Thích Ca nhập diệt 700 năm, Ngài ra đời ở Miền Nam Ấn Độ, Ngài đã “Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”. Sau khi “Minh tâm kiến tánh”, tiếp tục học kinh điển của Phật Thích Ca. Tất cả kinh giáo được thuyết trong 49 năm, Ngài chỉ dùng ba tháng là học hết toàn bộ, đây là một bộ Đại Tạng Kinh.

Chúng ta có thể tin được không? Có thể dựa vào cái gì? Vì Trung Quốc cũng có, Huệ Năng đại sư bên Thiền Tông vào triều Đường ở Trung Quốc, đó cũng là một người đã khai ngộ. Ngài không biết chữ, không được đi học, nên Ngài không cần thiết phải xem những kinh điển của Phật Thích Ca. Những ý nghĩa trong kinh điển, Ngài đều biết. Nếu bạn không tin, bạn hãy lấy một bộ kinh đọc cho Ngài nghe, bạn đọc xong, Ngài sẽ giảng lại cho bạn, nên gọi là “**Ngộ rồi mới tu**”. Trước khi chưa khai ngộ, cần cầu khai ngộ. Lý niệm và phương pháp này, Nho với Đạo đều học theo, sau đó đem nó truyền lại.

“Tứ thư, Ngũ kinh” của Nho gia cũng dạy bạn một môn, các giáo viên tư thục dạy học cũng dạy bạn một môn. Nhưng lúc còn nhỏ, họ có thể dạy bạn rất nhiều môn, nhưng nhất định phải học từng môn một. Trẻ con thì dạy chúng học thuộc lòng, không giảng nghĩa. Học thuộc có tác dụng gì? Khai ngộ. Mục đích của việc học thuộc lòng, không phải để ghi nhớ “**Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã**”. Khổng Tử cũng không tán thành việc này, nhất định phải có chỗ ngộ, chỗ ngộ là gì? Là sống, những thứ sống động mới hữu ích. Khổng Lão Phu Tử khi đã khai ngộ, những thứ Ngài nói không hề khác biệt với Phật.

 Bạn xem, học trò Khổng Tử hỏi về “hiếu”, thế nào là “hiếu”? Thế nào là “nhân”? Đây đều là điều mà khổng từ thường nhắc đến. Khổng Tử trả lời học trò, mỗi học sinh Ngài trả lời không giống nhau, đây là gì? Là sống, nó không phải thứ chết cứng. Hiện nay, bài thi của trường học đều giống nhau, tiêu chuẩn cũng như nhau, vậy thì không ổn. Biết bao nhân tài bị chôn vùi mất tài năng! Người ngộ được sâu thì trả lời sâu, người ngộ cạn cợt sẽ trả lời cạn. Cho nên, Khổng Tử đối với mỗi học trò Ngài đều thấy được căn tánh của họ, căn tánh của bạn thế nào sẽ giảng cho bạn thế ấy. Sau khi học xong, có thể vừa học vừa dùng. Họ sẽ thực tiễn vào cuộc sống, thực tiễn vào công việc; đều dùng trong xử việc, đối người, tiếp vật.

Gần đây, chúng ta xem thấy Hải Hiền lão Hòa thượng, Ngài vừa mới vãng sanh vào năm ngoái. Người này đã “Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”, chẳng ai nói cả nhưng tôi biết, tôi xem chiếc đĩa và nhìn ra được. Ngài không biết chữ, công việc cả đời là cày cấy, Ngài là một nông dân; chưa từng làm Kinh Sám Phật sự, chưa từng làm pháp hội. Sớm tối mỗi ngày ở cái miếu nhỏ này chính là lạy Phật, thắp hương lạy Phật và niệm Phật; không hề có bất kỳ hoạt động nào khác. Trời sáng, sau khi ăn sáng xong lại ra đồng làm việc, công việc đó là gì? Tu “Giới-Định-Huệ”, tu “Lục độ”, tu “Phổ Hiền Thập nguyện”, người khác nhìn không ra.

Chiếc đĩa này tôi đã xem hơn 30 lần, những điều được nói trong kinh Vô Lượng Thọ Ngài đều làm được. Cho nên tôi nói cho mọi người biết, chiếc đĩa này là tổng kết của kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Bạn phải xem nó là một bộ kinh, tôi khuyên mọi người một ngày xem ba lần, một năm đừng gián đoạn. Mỗi ngày niệm một vạn tiếng Phật hiệu, một vạn tiếng Phật hiệu đại khái khoảng hai tiếng đồng hồ. Mỗi ngày xem ba lần; bạn xem một năm, tâm của bạn liền định, định sanh huệ. Vì thế, không thể biết quá nhiều; biết quá nhiều thứ, tâm sẽ tạp, tâm sẽ loạn. Sẽ sanh cái gì? Sanh phiền não. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, Tâm bình đẳng sanh trí huệ. Do đó Trung Quốc trước đây, dạy học trò học thuộc lòng chính là tu định, ý nghĩa này nhất định phải hiểu cho rõ. Học thuộc lòng bạn sẽ không suy nghĩ lung tung, nếu không học thuộc lòng bạn sẽ suy nghĩ lung tung. Dạy bạn học thuộc phải học cho thuần thục, học được thuần thục đó là bổ sung thêm, là tác dụng phụ. Tác dụng chính, chủ yếu bảo bạn: “***Quét sạch vọng tưởng tạp niệm***”, đây là một phương pháp tu định.

Nếu như chân thật có thể định được, mười năm ngài Hải Hiền chính là một câu “A Di Đà Phật”. Ngài không biết chữ, chưa hề nghe kinh, cũng chưa hề đọc kinh, nhưng cái gì Ngài cũng biết. Sư phụ bảo Ngài không được nói, Ngài cũng rất thật thà, rất nghe lời nên Ngài không nói. Thỉnh thoảng tiết lộ một chút, người bình thường sẽ nhìn không ra. “**Cực cao minh nhi đạo trung dung**” ở thời đại này, học Phật nếu muốn thành tựu, dùng phương pháp của Ngài là tốt hơn hết thảy mọi thứ. Nên đó là tấm gương tốt nhất của người tu học Tịnh Tông, chân thật là khuôn mẫu. Sống tại nông thôn trong một cái miếu nhỏ, trong một căn phòng cũ kĩ rách nát. Cái miếu nhỏ chỉ có bốn-năm người, đều là làm nghề nông. Nghề nông cũng là tu “Giới-Định-Huệ”, tu “Lục hòa”, tu “Lục độ”. Diện tích trồng trọt của Ngài là do khai hoang, trồng được hơn 100 mẫu đất. Nhu cầu của chùa rất có hạn, Ngài lấy những lương thực thu hoạch được, chẳng hạn như trái cây, rau cải đều cúng dường cho người nghèo ở dưới quê. Tiếp nhận sự cúng dường của Ngài để duy trì cuộc sống, có hàng ngàn hàng vạn người. Dạy người, chỉ dạy người niệm “A Di Đà Phật”, cái gì cũng buông xả, Ngài nói rất rõ ràng; mọi thứ đều là giả, chẳng có thứ nào là thật. Một câu Phật hiệu niệm đến cùng, lúc lâm chung chắc chắn vãng sanh Thế Giới Cực Lạc.

Thế Giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật cũng có thật. Ngài niệm Phật 92 năm, có người hỏi Ngài:

- “*Ngài đã nhìn thấy A Di Đà Phật*, *vậy A Di Đà Phật nói gì với Ngài*?”.

Ngài đã trả lời thế nào?

- “*Rất nhiều lần tôi cầu A Di Đà Phật mang tôi đến Thế Giới Cực Lạc*, *nhưng lão Phật gia không chịu mang tôi đi*. *Nói tôi phải tu cho tốt*, *muốn tôi biểu pháp*”.

Lời này bạn nghe có hiểu không? Rất nhiều lần, chứng tỏ ngài Hải Hiền thấy A Di Đà Phật không chỉ một lần. 92 năm, chúng tôi nghĩ rằng, năm đó Huệ Viễn đại sư là Sơ Tổ Tịnh Tông chúng ta, một đời thấy A Di Đà Phật bốn lần.

Nếu bạn hỏi tôi:

- “*Hải Hiền lão Hòa thượng thấy Phật bao nhiêu lần?*”.

Tôi sẽ nói với bạn là:

- “*Trên mười lần*, *không thể ít hơn mười lần*”.

Ngài thật sự có tín tâm, có lòng nhẫn nại. Biểu pháp chính là thật sự làm ra tấm gương tốt nhất. Biểu pháp sau cùng là muốn dạy chúng ta, con người trên Quả địa cầu cần phải chung sống hòa mục; cũng tức là “**Gia hòa vạn sự hưng**”, gia đình phải hòa, đoàn thể phải hòa, xã hội phải hòa, trong công việc cũng phải hòa. Người Trung Quốc vô cùng xem trọng chữ “Hòa”. Phật cũng như vậy, nhà Phật nói đến “Lục hòa kính”, yêu cầu mỗi người đều có thể làm được, không có lòng oán hận. Phải biết rằng người hiện nay làm sai “Tác gian phạm khoa”, đều không thể trách họ, tại vì sao? Vì họ không được ai dạy.

Kinh Vô Lượng Thọ Phật nói rất hay: “**Tiên Nhân bất thiện**, **bất thức đạo đức**; **vô hữu ngữ giả**, **thắng vô quái dã**”. Đây chính là khuyên chúng ta: nhìn thấy người khác làm sai, phải tha thứ cho họ. Vì cha mẹ họ không biết, tổ phụ mẫu cũng không biết, mà tằng tổ phụ mẫu cũng không biết. Đại khái, cao tổ phụ mẫu mới biết được một chút nhưng làm không được. Bạn làm sao có thể trách họ được! Sanh vào cái thời đại động loạn này, sống quá vất vả nên cần phải tha thứ. Có cơ hội học tập giáo dục truyền thống, học tập Phật Pháp. Phật Pháp là sống, phải vừa học vừa hành; chân thật có thể giúp chúng ta giải quyết mọi vấn đề. Tại vì sao? Vì nó là trí huệ. Giáo dục truyền thống Trung Quốc là trí huệ, giáo dục của đức Phật cũng là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề và không có di chứng về sau. Trí huệ, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, điều này không thể không biết. Cho nên, chúng ta phải y theo truyền thống và phương pháp xưa mà học thì mới hữu dụng. “Phương pháp mới” chỉ có thể có được tri thức.

Năm ngoái, tôi cùng với Srilanka tham gia Đại lễ Phật Đản tại Paris do Unessco tổ chức. Sau khi kết thúc, chúng tôi đi thăm viếng Sở nghiên cứu Hán học của pháp, mới biết rằng Hán học của Châu Âu. Viện Hán học đầu tiên là ở nước Pháp, nước Anh so với họ thì muộn hơn ba, bốn chục năm, còn bọn họ là sớm nhất. Viện trưởng, giáo sư còn có vài sinh viên cùng với tôi làm một cuộc giao lưu khoảng ba tiếng rưỡi đồng hồ. Chúng tôi nói với họ, chúng tôi ở Malaysia cũng làm một Viện Hán học, họ hỏi chúng tôi về phương pháp dạy như thế nào? Tôi nói, phương pháp dạy học của chúng tôi là: Dùng lý niệm và phương pháp của truyền thống Trung Quốc, “*Một môn thâm nhập*, *trường kỳ huân tu*”, “*Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu*”. Cách làm này hữu dụng; bọn họ vô cùng kinh ngạc. Kết quả mới biết, họ đem Hán học Trung Quốc làm thành văn hóa cổ đại để nghiên cứu, chẳng liên quan gì với hiện nay.

Họ nghiên cứu những nền văn hóa của người Trung Quốc vào 2.500 năm trước. Nghe chúng tôi học được nhiều điều bổ ích, họ vô cùng kinh ngạc. Hiện nay mà còn hữu dụng sao? Tôi nói không hữu dụng thì tôi học nó để làm gì? Bạn nói xem, những thứ của cổ nhân chẳng giúp gì cho hiện nay, thì chúng tôi cũng chẳng muốn học nó; vì chúng tôi không có nhiều thời gian như vậy, cũng chẳng có nhiều tinh thần. Hữu dụng, học rồi lập tức liền có ích. Những điều này đều do chịu ảnh hưởng của khoa học, không những người nước ngoài không biết, mà rất nhiều chuyên gia học giả của Trung Quốc cũng không biết.

Chúng tôi vào mười mấy năm trước, đề xướng “Đệ Tử Quy”, “Cảm Ứng Thiên” và “Thập Thiện nghiệp Đạo”, liền có một số giáo sư nổi tiếng đến hỏi tôi, hỏi tôi đề xướng những thứ này để làm gì? Vì sao không học “Tứ thư”, “Ngũ kinh” hay “13 kinh”? Tôi đưa ra một ví dụ nói với họ, tôi nói:

- “*Tứ thư*, *Ngũ kinh hay 13 kinh thậm chí là Tứ Khố Toàn Thư*, *chúng tôi đều xếp chúng ngang nhau*, *để nó sang một bên*; *còn một bên chúng ta đặt Đệ Tử Quy*, *Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện nghiệp Đạo*. *Ba quyển sách nhỏ này*, *chúng* *là bình đẳng*”.

Họ cảm thấy rất kinh ngạc, làm sao có thể bình đẳng được? Tôi nói, Khổng Tử dạy chúng ta học tập phải tuân thủ: “***Bác học, thẩm vấn, thận tư và minh biện***”. Tôi nói, những thứ kia nằm ở một đầu; còn đầu này, chúng ta thiết thực thi hành. Nếu như những thứ đó thảy đều học xong nhưng chẳng dùng được, vì chẳng liên quan đến cuộc sống, cũng như chẳng liên quan đến công việc của bạn. Vẫn không bằng có thể dùng được những thứ này, chúng lập tức hữu dụng. Nhờ đó, họ mới hiểu được.

Nền giáo học trí huệ, nó không phải tri thức, nhất định phải thực tiễn vào cuộc sống. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói rất hay: “***Đây là hưởng thụ cao nhất của đời người***”. Ta học thứ này, nhưng chưa đạt được hưởng thụ cao nhất. Vậy chẳng phải là học uổng công rồi sao? Điều này không thể không biết, học rồi phải lập tức hữu dụng. Cho nên tôi nói với các vị giáo sư của Sở nghiên cứu Hán học của Pháp, tôi nói với họ:

 - “*Điều cấp bách hiện nay*, *chính là chúng ta phải giúp trái đất này hóa giải tai nạn*, *giúp nó hóa giải xung đột*, *dẫn dắt nó hướng đến an định hài hòa*”.

 Cái này họ muốn nghe, vậy phải làm thế nào? Trong Hán học có một bộ sách, là “Quần Thư Trị Yếu”. Chúng ta đem toàn bộ tinh thần, tôi bảo họ phải giảng mười năm, mười năm đầu Hán học của chúng ta sẽ đặt vào bộ sách này. Học nhuần nhuyễn nó, đem nó giảng rõ ràng, giảng tường tận và thấu triệt. Tất cả đều thực tiễn vào cuộc sống, thực tiễn vào công việc, thực tiễn trong việc “Xử việc, đối người, tiếp vật”. Toàn bộ đều dùng trong nhà, trên thân chúng ta: Thân tâm tu dưỡng, khỏe mạnh trường thọ, gia đình hòa mục, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, quốc gia hưng vượng, thiên hạ thái bình.

Chúng ta làm việc này, Phật Pháp Đại Thừa có thể làm được, những thứ của truyền thống Trung Quốc cũng làm được. Việc này cấp bách, Đường Thái Tông làm được một việc rất tốt. Ông chọn những thứ này, là tinh hoa của tinh hoa của truyền thống văn hóa Trung Quốc. 66 bộ sách cổ là tinh hoa của kinh điển, từ trong tinh hoa này lại tiếp tục chắc lọc ra. Trước mắt điều cần thiết chúng ta cần phải chắc lọc “Tinh hoa của tinh hoa”. Tôi nói lời này không phải của tôi, những người thấp cổ bé họng như chúng tôi bạn sẽ không tin. Đây là Thang Ân Tỷ nói, ông nói khi đến thăm Nhật Bản. Tôi xem thấy báo cáo này vô cùng hoan hỷ, ông quả thật không hổ danh là một nhà triết học lịch sử. Đối với phương Đông, hay Phật Pháp, hay những thứ của truyền thống Trung Quốc, ông có một sự nhận thức rất sâu. Ông nói:

- “*Giải quyết vấn đề của thế kỉ 21*, *chính là xã hội hiện nay*; *chỉ có học thuyết Khổng-Mạnh của Trung Quốc cùng với Phật Pháp Đại Thừa*”.

Nói rất có đạo lý, khiến chúng ta đối với văn hóa truyền thống sanh khởi lòng tin kiên định. Lúc tôi ở Luân Đôn, nhận lời phỏng vấn. Khi cùng chia sẻ với học sinh và giáo sư của ba trường Đại học, tôi hỏi họ nhưng họ không dám biểu đạt thái độ, tôi nói:

- “*Thang Ân Tỷ là người nước Anh của các bạn*, *ông có nói sai hay không*? *Có nói đúng hay không*?”.

Họ đều không dám có ý kiến, sau cùng tôi phải nói, tôi nói:

- “*Tôi hiểu được tâm tình của các bạn*”.

Vì sao lại không dám biểu đạt thái độ? Vì danh tiếng của Thang Ân Tỷ quá lớn, nên mọi người không dám có ý kiến phải đối. Nhưng vì sao không thể thừa nhận? Vì đối với việc này có hoài nghi.

- “*Nếu những thứ của Trung Quốc tốt như vậy, vì sao người Trung Quốc lại không cần?*”

- “*Không phải không có lý do người Trung Quốc không cần, cũng có nhân tố lịch sử của nó*”, tôi nói.

200 năm gần đây, vào 200 năm trước người Trung Quốc vẫn cần, không có ai không đọc sách cổ. 200 này, văn hóa phương Tây truyền đến Trung Quốc. Người trẻ tuổi nhìn thấy khoa học kỹ thuật và máy móc của phương Tây liền bị mê hoặc, nên bỏ qua những thứ của Lão tổ tông. Nguyên nhân này, bạn nên biết.

Nếu bạn thâm nhập, càng thâm nhập bạn sẽ cảm thấy nó càng hứng thú. Càng thâm nhập càng yêu thích, sau đó đầu tiên là cứu chính mình. Lúc chưa học, cuộc sống ở thế gian đầy khổ não và phiền não. Sau khi học xong, bản thân sẽ sống rất vui vẻ, mỗi ngày đều pháp hỉ sung mãn. Hoàn toàn khác biệt, gia đình hòa mục “***Gia hòa vạn sự hưng***”. Dùng trong công ty các ngành các nghề, công ty của bạn sẽ được hưng vượng trở lại. Hồ Tiểu Lâm ở Bắc Kinh đã làm được, Ngô Niệm Bác ở Tô Châu cũng làm được, đều đem nó thực tiễn vào công ty của mình.

 Dùng “Đệ Tử Quy”, “Cảm Ứng Thiên” và “Thập Thiện nghiệp” dạy cho mọi nhân viên, mọi người đều làm theo, tự động tự phát. Nên công ty không ngừng đi lên, mỗi người đều xem công ty là gia đình của mình. Ông chủ của công ty xem hết thảy nhân viên thành anh em của chính mình, mối quan hệ đã khác đi. Dùng trong xã hội, dùng trong quốc gia, dùng cho toàn Thế giới, tai nạn gì cũng sẽ được hóa giải.

Hôm nay thời gian đến rồi, chúng ta nghỉ sớm một chút. Tôi còn phải chuẩn bị hành lý ngày mai còn đến Indonesia. Ngày 31 sẽ trở về, 31 cuối tháng này sẽ về.

Rất cảm ơn mọi người.

**A Di Đà Phật.**

#

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

